

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày 10/01/2025

"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Quỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Ông Hoàng Kim Đào

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hoàng Thùy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Số B - B N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh, là nguyên đơn.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn H - Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng TMCP S chi nhánh Q (Giấy ủy quyền ngày 30/10/2024). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Khương L; địa chỉ: Khu phố D, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 07/6/2021, ông Trần Khương L có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Căn cứ vào thu nhập của ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng số 472074-5501 với số tiền 30.000.000 đồng, loại thẻ Visa Classic, mục đích tiêu dùng. Đến ngày 22/4/2022 ông Trần Khương L được Ngân hàng nâng hạn mức thẻ tín dụng lên 70.000.000 đồng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 1.122.526.731 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tối thiểu hàng tháng đến ngày 10/6/2023. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc và nhắc nhở nhưng ông L vẫn không thanh toán nợ, vi phạm các điều khoản quy định tại hợp đồng đã ký nên Ngân hàng đã chuyển qua nợ quá hạn vào ngày 10/11/2023.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

- Buộc ông Trần Khương L phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/4/2024 là **104.193.228 đồng**, trong đó: Nợ gốc 83.149.143 đồng; lãi quá hạn: 21.044.085 đồng.

- Buộc ông L phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 11/4/2024 cho đến khi ông L trả hết nợ cho ngân hàng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông Trần Khương L phải trả cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/01/2025 là **135.816.853 đồng** (*Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm mười sáu nghìn tám trăm năm mươi ba đồng*), trong đó: Dư nợ: 83.149.143 đồng (*Tám mươi ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn một trăm bốn mươi ba đồng*); lãi quá hạn: 52.667.710 đồng (*Năm mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm mười đồng*).

- Buộc ông L phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 11/01/2025 cho đến khi ông L trả hết nợ cho ngân hàng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký.

Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.  
Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử buộc ông Trần Khương L phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 10/01/2025 là **135.816.853 đồng**, trong đó: Dư nợ: 83.149.143 đồng, lãi quá hạn: 52.667.710 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP S với ông Trần Khương L phát sinh từ yêu cầu phát hành thẻ tín dụng. Ông Trần Khương L có địa chỉ cư trú tại Khu phố D, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Khương L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Khương L.

[2] Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- Ngày 07/6/2021, ông Trần Khương L có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, loại thẻ Visa Classic. Căn cứ vào thu nhập của ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng số 472074-5501 với số tiền 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng. Đến ngày 22/4/2022 ông Trần Khương L được Ngân hàng nâng hạn mức thẻ tín dụng lên 70.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông L đã thanh toán cho Ngân hàng tối thiểu hàng tháng đến ngày 10/6/2023 và sau đó không thanh toán nữa, ông L đã vi phạm mục 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng: “Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ TB GD tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng...Khi vi phạm xảy ra...SI có thể thực hiện: Áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ...” nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn vào ngày 10/11/2023 với số tiền 83.149.143 đồng. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng với dư nợ buộc ông Trần Khương L phải trả là 83.149.143 đồng (Tám mươi ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn một trăm bốn mươi ba đồng).

- Về tiền lãi: Do ông L đã vi phạm mục 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, nên Ngân hàng đã áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ. Theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông Trần Khương L thì lãi suất là 31,2%/năm, lãi quá hạn bằng 150% của lãi trong hạn. Tại Quyết định số 816/2023/QĐ-TT.PTSPCN ngày 31/3/2023 của Ngân hàng về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T phát hành tại Việt Nam có hiệu lực từ ngày 06/4/2023 thì lãi suất trong hạn là 2,77%/tháng (Lãi suất trong hạn theo Biểu phí trong từng thời kỳ quy định tại mục 1.24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng) nên lãi suất quá hạn là 4,15%/tháng. Xét thấy mức lãi suất phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận. Tổng số tiền ông L phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 10/01/2025 là **135.816.853 đồng** (Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm mười sáu nghìn tám trăm năm mươi ba đồng), trong đó: Dư nợ từ ngày 10/11/2023 là 83.149.143 đồng (Tám mươi ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn một trăm bốn mươi ba đồng) nên lãi quá hạn ông L phải thanh toán từ ngày 10/11/2023 đến ngày 10/01/2025 là 52.667.710 đồng (Năm mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm mười đồng) theo Tóm tắt sao kê trên hệ thống của Ngân hàng ngày 10/01/2025.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là **6.790.842 đồng** (Sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng). Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lý trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, xử:

**1.** Buộc ông Trần Khương L phải trả cho Ngân hàng TMCP S theo yêu cầu cấp Thẻ tín dụng số 472074-5501 ngày 07/6/2021 với tổng số tiền tính đến ngày 10/01/2025 là **135.816.853 đồng** (*Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm mười sáu nghìn tám trăm năm mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc là 83.149.143 đồng (*Tám mươi ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn một trăm bốn mươi ba đồng*); lãi quá hạn: 52.667.710 đồng (*Năm mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm mười đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.** Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Trần Khương L phải chịu **6.790.842 đồng** (*Sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là **2.604.000 đồng** (*Hai triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000516 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP Đông Hà;
- Các đương sự;
- THADS TP Đông Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đoàn Thị Quỳnh Châu**









